

Số: 3437/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 18 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch vùng huyện
Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 120/TTr-SXD ngày 14/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Các Giám đốc Sở: Xây dựng, Tài nguyên Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Trưởng Ban quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, huyện Vũ Thư; Thủ trưởng các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /...*umh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH, KTXD. *m*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Đặng Trọng Thăng

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2040
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 08/11/2019.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Vũ Thư, đảm bảo theo đúng đồ án đã được phê duyệt.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của tỉnh, của huyện Vũ Thư quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn các khu vực trong huyện.

Điều 2: Nguyên tắc lập Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040 được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 và tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

PHẦN II
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2040

Điều 3: Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới

1.1. Phạm vi vùng quản lý: Toàn bộ địa giới hành chính của huyện Vũ Thư; Diện tích tự nhiên: 19.693,88 ha (196,938 km²).

1.2. Ranh giới:

- Phía Bắc giáp huyện Đông Hưng và huyện Hưng Hà;
- Phía Nam giáp huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định;
- Phía Đông giáp thành phố Thái Bình và huyện Kiến Xương;
- Phía Tây giáp thành phố Nam Định, huyện Mỹ Lộc và huyện Nam Trực tỉnh Nam Định.

2. Quy mô dân số

2.1. Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2018 là 218.630 người.

2.2. Đến năm 2030: Dân số toàn vùng huyện khoảng 248.997 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 119.518 người; dân số nông thôn khoảng 129.479 người; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 48%.

2.3. Đến năm 2040: Dân số toàn vùng huyện khoảng 283.943 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 141.971 người; dân số nông thôn khoảng 141.972 người; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 50%.

3. Quy mô đất đai

Chỉ tiêu đất dân dụng: Đến năm 2030 đạt khoảng 2.988 ha, bình quân 120m²/người; Đến năm 2040 đạt khoảng 3.691 ha, bình quân 130m²/người.

Điều 4. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế.

1. Quy định đối với vùng, không gian phát triển công nghiệp

1.1. Định hướng vùng, không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2017-2025 định hướng đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 15/8/2017.

1.2. Vùng phát triển công nghiệp phía Bắc huyện gồm: Khu công nghiệp Sông Trà, quy mô 150,48 ha (thuộc huyện Vũ Thư, thành phố Thái Bình); Khu công nghiệp Sông Trà II, quy mô 300 ha; cụm công nghiệp thị trấn Vũ Thư, quy mô 36 ha; các cụm công nghiệp Tân Minh (quy mô 30 ha) và cụm công nghiệp Tam Quang (quy mô 39,5 ha) từng bước dịch chuyển thành khu vực dịch vụ đô thị; mở rộng cụm công nghiệp Phúc Thành với quy mô 50 ha, mở rộng cụm công nghiệp Minh Lãng với quy mô 70 ha, quy hoạch cụm công nghiệp Đồng Thanh quy mô 35ha. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường, khai thác hành lang kỹ thuật theo tuyến đường Quốc lộ 10, đường tỉnh ĐT.454.

1.3. Vùng phát triển công nghiệp phía Nam huyện gồm: mở rộng cụm công nghiệp Nguyên Xá (quy mô 70 ha); mở rộng cụm công nghiệp Vũ Hội (quy mô 70 ha). Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường; khai thác hành lang kỹ thuật theo tuyến đường tỉnh ĐT.463; ĐT.454; ĐH.03.

1.4. Các vùng, không gian phát triển công nghiệp khuyến khích xây dựng theo Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về Quy định quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quản lý phù hợp với Đề án thành lập và Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 khu công nghiệp, cụm công nghiệp được phê duyệt.

2. Quy định đối với vùng, không gian phát triển nông nghiệp

2.1. Định hướng vùng, không gian phát triển nông nghiệp phù hợp với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 29/12/2015. Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án phát triển đàn trâu bò thương phẩm theo chuỗi giai đoạn 2019-2025 và những năm tiếp theo.

2.2. Vùng, không gian phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện gồm: Vùng I (Vùng sản xuất lúa tập trung), gồm các xã: Xuân Hòa, Hiệp Hòa, Song Lãng, Minh Lãng, Phúc Thành, Tân Hòa, Tân Phong, Minh Khai, Tam Quang, Vũ Hội, Vũ Vinh, Vũ Vân, Vũ Tiến, Duy Nhất, Tự Tân, Hòa Bình, Nguyên Xá...; Vùng II (Vùng trồng cây màu và cây dược liệu), gồm các xã: Minh Quang, Minh Khai, Hòa Bình, Song An, Trung An, Vũ Vân, Việt Thuận, Hồng Phong, Tân Phong, Nguyên Xá, Hồng Lý, Song Lãng...; Vùng III (Vùng trồng hoa cây cảnh), gồm các xã: Bách Thuận, Tự Tân, Tân Lập; Vùng IV (Vùng trồng cây ăn quả), gồm các xã: Dũng Nghĩa, Hồng Lý, Đồng Thanh, Việt Hùng, Hồng Phong, Duy Nhất, Vũ Đoài, Vũ Vân, Minh Lãng, Tân Hòa...; Vùng V (Vùng chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản), gồm các xã: Tân Phong, Phúc Thành, Xuân Hòa, Hiệp Hòa, Vũ Đoài, Vũ Tiến, Duy Nhất, Việt Thuận, Việt Hùng, Hồng Lý.

2.3. Định hướng phát triển hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn trên cơ sở quy hoạch nông thôn mới; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; tập trung chuyển đổi sang các loại cây nông sản có giá trị hàng hóa cao; thực hiện dồn điền đổi thửa và chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển cây vụ đông, cây dược liệu, cây ăn quả và các loại cây có giá trị kinh tế cao. Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản có quy mô lớn và công nghệ hiện đại, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

3. Quy định đối với vùng, không gian phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch.

3.1. Định hướng vùng và không gian phát triển thương mại dịch vụ phù hợp với Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt Tổng thể phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh Thái Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

3.2. Tại khu vực đô thị tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng dịch vụ tại các đô thị Vũ Thư, Xuân Hòa, Tân Phong, Vũ Hội, Vũ Tiến gồm: Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, các cơ sở dịch vụ về tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, dịch vụ hỗ trợ ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ nông nghiệp và dịch vụ tiêu dùng; Hoàn thiện hệ thống Chợ Thắm tại thị trấn Vũ Thư, Chợ Chùa tại xã Xuân Hòa, Chợ Mễ tại xã Tân Phong, Chợ Cọi tại xã Vũ Hội, Chợ Bồng tại xã Vũ Tiến, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thương mại dịch vụ tại đô thị.

3.3. Các khu vực nông thôn tại trung tâm xã, trung tâm liên xã đầu tư xây dựng hạ tầng dịch vụ: Hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, phát triển hệ thống cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh, các khu vực đầu mối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thúc đẩy hoạt động dịch vụ nông thôn gắn kết chặt chẽ với quá trình xây dựng nông thôn mới.

3.4. Tại các khu công nghiệp phát triển hạ tầng thương mại bán lẻ phục vụ công nhân tại các khu công nghiệp có khu nhà ở công nhân, các loại hình thương mại chủ yếu bao gồm: Cửa hàng tiện lợi, khu dịch vụ để tạo thành khu thương mại, dịch vụ tổng hợp; bên cạnh đó, hình thành các hoạt động thương mại bán lẻ nội khu hoặc ngoại khu ở các dự án xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp.

3.5. Tại các khu du lịch tập trung phát triển các loại hình hạ tầng thương mại đặc trưng phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch như khu ẩm thực, khu mua sắm, khu bán hàng ban đêm, cửa hàng lưu niệm, cửa hàng trưng bày và giới thiệu sản phẩm thương hiệu, truyền thống của tỉnh gắn với các diêm, tuyến, khu du lịch đã được quy hoạch.

3.6. Khai thác lợi thế hành lang kinh tế, đô thị ven Quốc lộ 10, tuyến tránh S1, tuyến đường vành đai phía Nam, tuyến đường Thái Bình - Nam Định; xây dựng các trung tâm dịch vụ quy mô lớn, với các loại hình dịch vụ kho bãi (logistic) dịch vụ hỗ trợ vận tải..., tạo động lực phát triển ngành dịch vụ theo hướng đồng bộ hiện đại.

3.7. Định hướng phát triển ngành du lịch phù hợp với Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trên địa bàn huyện tập trung phát triển loại hình du lịch Lễ hội, tâm linh; Du lịch tham quan làng nghề truyền thống gắn với văn hóa ẩm thực và các đặc sản tự nhiên; gắn với các di tích nổi tiếng trên địa bàn huyện như chùa Keo, chùa Từ Vân, Khu lưu niệm Bác Hồ, làng vườn Bách Thuận..., liên kết với các khu di tích trên địa bàn tỉnh như Đền Đồng Bằng, Đền Trần... tạo ra các sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng vùng.

Điều 5. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

1.1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch vùng tỉnh Thái Bình đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 07/7/2009. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Bình đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt tại Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 04/7/2016.

1.2. Đô thị Vũ Thư: Là đô thị trung tâm vùng huyện Vũ Thư, có cửa ngõ kết nối với không gian kinh tế thành phố Nam Định và thành phố Thái Bình; Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học kỹ thuật của huyện Vũ Thư; Là vùng kinh tế của tỉnh, phát triển tổng hợp đa ngành đa lĩnh vực bao gồm: Công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và dịch vụ đô thị. Cần đẩy nhanh quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tuyến đường vành đai phía Nam, đường Thái Bình - Nam Định, từng bước chuyển các cụm công nghiệp thị trấn Vũ Thư, Tam Quang, Tân Minh thành khu vực dịch vụ đô thị, thu hút đầu tư, tạo sự phát triển lan tỏa hấp dẫn nhập cư, tạo động lực và nguồn lực mở rộng không gian đô thị, từng bước xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đẩy nhanh và mạnh mẽ quá trình đô thị hóa, phấn đấu đến năm 2025 đưa khu vực thị trấn Vũ Thư và vùng phụ cận trở thành đô thị loại IV.

1.3. Đô thị Xuân Hòa: Giai đoạn 2020 - 2030 tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, kỹ thuật, sản xuất xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Xuân Hòa. Đồng thời khai thác các lợi thế hành lang kinh tế, dịch vụ và đầu mối giao thương kết nối với không gian kinh tế với huyện Hưng Hà; Hình thành cụm công nghiệp Đồng Thanh, để phát triển dịch vụ, tiêu thụ công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, đưa Xuân Hòa trở thành trung tâm kinh tế,

văn hóa xã hội, dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp phía Tây Bắc của huyện; Phân đấu đến năm 2030 nâng cấp xã Xuân Hòa thành đô thị loại V.

1.4. Đô thị Tân Phong: Giai đoạn 2020 - 2030 tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, kỹ thuật, sản xuất xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Phong; Phát huy lợi thế tiếp giáp không gian kinh tế thành phố Thái Bình, ảnh hưởng tích cực từ hành lang kinh tế, đô thị đường tỉnh ĐT.454, đường Lê Quý Đôn kéo dài qua khu vực xã Tân Phong kết nối với đường Thái Bình - Hà Nam; Hình thành khu công nghiệp Sông Trà II; xây dựng khu vực này thành trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, dịch vụ, công nghiệp phía Đông Bắc của huyện; Phân đấu đến năm 2030 nâng cấp xã Tân Phong thành đô thị loại V.

1.5. Đô thị Vũ Hội: Giai đoạn 2020 - 2030 tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, kỹ thuật, sản xuất xã nông thôn mới kiểu mẫu Vũ Hội. Phát huy lợi thế tiếp giáp không gian kinh tế thành phố Thái Bình, ảnh hưởng tích cực từ hành lang kinh tế, đô thị đường tỉnh ĐT.454; Tiếp tục thu hút đầu tư tại cụm công nghiệp Vũ Hội; Xây dựng khu vực này thành trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp phía Đông Nam của huyện; Phân đấu đến năm 2030 nâng cấp xã Vũ Hội thành đô thị loại V.

1.6. Đô thị Vũ Tiến: Giai đoạn 2020 - 2030 tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, kỹ thuật, sản xuất xã nông thôn mới kiểu mẫu Vũ Tiến. Đồng thời khai thác các lợi thế ảnh hưởng tích cực từ hành lang kinh tế, đô thị đường tỉnh ĐT.463, đẩy mạnh phát triển dịch vụ đô thị gắn với du lịch trải nghiệm và tâm linh khu di tích lịch sử quốc gia Chùa Keo; Xây dựng khu vực này thành trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp phía Nam của huyện; Phân đấu đến năm 2030 nâng cấp xã Vũ Tiến thành đô thị loại V.

2. Quy định quản lý các xã nông thôn.

2.1. Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về “Nông nghiệp, nông dân và nông thôn” với mục tiêu “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển”.

2.2. Giai đoạn 2019 - 2021: Tiếp tục đẩy nhanh quá trình xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn huyện, theo hướng hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí đối với xã nông thôn mới, lựa chọn các xã có điều kiện thuận lợi để triển khai thí điểm xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; Giai đoạn 2021 - 2025 triển khai rộng rãi mô hình xã nông thôn mới kiểu mẫu, phấn đấu đến năm 2025 đưa huyện Vũ Thư trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

Điều 6. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

1.1. Quy định về trung tâm hành chính

Trung tâm hành chính huyện Vũ Thư đặt tại đô thị Vũ Thư; Là trung tâm hành chính cấp huyện, có quy mô đầu tư xây dựng phù hợp với xu hướng phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển của huyện.

Trung tâm hành chính đô thị được đầu tư xây dựng tại đô thị Xuân Hòa, Tân Phong, Vũ Hội và Vũ Tiến; trung tâm hành chính các xã được xây dựng phù hợp với xu hướng phát triển tổ chức hành chính mới.

1.2. Quy định đối với mạng lưới công trình Y tế

Xây dựng mạng lưới công trình Y tế hiện đại, hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả và phát triển toàn diện, đặc biệt tại đô thị Vũ Thư, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao, đa dạng của nhân dân trong huyện và vùng phụ cận.

Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư đạt tiêu chí Bệnh viện hạng II, đặt tại đô thị Vũ Thư, phục vụ dân cư khu vực trung tâm huyện và vùng lân cận. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn Quốc gia. Xây dựng Phòng khám đa khoa tại đô thị Xuân Hòa, Tân Phong, Vũ Hội và Vũ Tiến; Hoàn thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cơ sở Y tế cấp xã.

1.3. Quy định đối với mạng lưới Văn hóa, Thể thao

Phát triển mạng lưới công trình văn hóa, thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt tại Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 25/7/2017.

Nhà văn hóa trung tâm huyện đặt tại đô thị Vũ Thư, là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân toàn huyện; Phát triển hệ thống công trình văn hóa hiện đại gắn với đô thị, nông thôn, khu du lịch..., hoàn thiện các thiết chế văn hóa cấp xã, thị trấn.

Xây dựng Sân vận động, Nhà thi đấu cấp vùng theo quy hoạch tại đô thị Vũ Thư; Sân vận động cấp đô thị tại đô thị Xuân Hòa, Tân Phong, Vũ Hội và Vũ Tiến; các công trình luyện tập thể thao cấp đô thị và khu ở đạt tiêu chuẩn, đồng thời nâng cấp hệ thống thể thao cơ sở hiện hữu.

1.4. Quy định đối với mạng lưới công trình giáo dục

Xây dựng mạng lưới công trình giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với xu thế nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển ngành giáo dục.

Xây dựng trường Trung cấp nghề đạt tiêu chuẩn tại đô thị Vũ Thư; Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành kinh tế chủ đạo cấp vùng; Nâng cấp, cải tạo hệ thống trường trung học phổ thông hiện có trên địa bàn huyện.

1.5. Quy định đối với hệ thống nhà ở đô thị và nông thôn

Phát triển hệ thống nhà ở đô thị, nông thôn đồng bộ hiện đại phù hợp với xu hướng mới; phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 và định hướng phát triển nhà ở trong những năm tiếp theo.

Tại khu vực đô thị: Phát triển hệ thống nhà ở đô thị theo quy hoạch; Xây dựng Chương trình phát triển nhà ở và Kế hoạch phát triển nhà ở theo hướng đồng

bộ hiện đại, khuyến khích xây dựng nhà chung cư cao tầng; đảm bảo tỷ lệ đất xây dựng Nhà ở xã hội theo quy định.

Tại khu vực nông thôn: Phát triển nhà ở theo mô hình khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, quy mô từ 3 ha - 10 ha, đồng bộ hiện đại và giàu bản sắc, theo nội dung Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 13/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tại khu vực công nghiệp: Phát triển hệ thống nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân lao động gắn với quy hoạch các khu công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp tổng hợp (công nghiệp - dịch vụ - đô thị).

2. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng.

2.1. Quy định quản lý cao độ nền.

Xây dựng hệ thống cao độ nền phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng vùng, khoa học và bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Tại khu vực phát triển đô thị: $H_{xd} \geq +1,80m$; Tại khu vực phát triển công nghiệp: $H_{xd} \geq +2,0m$; Hệ thống cao độ nền được quản lý trên cùng hệ cao độ Quốc gia, xây dựng hoàn thiện hệ thống cao độ Quốc gia hạng IV tại các xã trên địa bàn huyện, phục vụ công tác quản lý và đầu tư xây dựng.

2.2. Quy định đối với công trình giao thông

Phát triển mạng lưới công trình giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 26/7/2016.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng các tuyến đường: Đường vành đai phía Nam, đường Đường Lê Quý Đôn kéo dài qua khu vực xã Tân Phong kết nối với đường Thái Bình - Hà Nam; đường tỉnh ĐT.452; Nâng cấp cải tạo đường tỉnh ĐT.454, đường tỉnh ĐT.463. Các tuyến đường huyện được đầu tư cải tạo, nâng cấp đạt quy mô tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV đồng bằng; Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình đầu mối giao thông xe, bến cảng.

2.3. Quy định đối với công trình cấp nước

Phát triển hệ thống công trình cấp nước theo hướng đồng bộ, hiện đại, sử dụng hợp lý nguồn nước mặt, phù hợp với xu thế mới.

Giai đoạn đến năm 2030: Giữ nguyên hệ thống nhà máy nước hiện có. Nâng công suất các nhà máy nước: Trạm cấp nước TT. Vũ Thư ($10.000 m^3$ /ngày đêm); Nhà máy nước Xuân Hòa ($15.000 m^3$ /ngày đêm); Nhà máy nước Việt Thuận ($15.000 m^3$ /ngày đêm); Nhà máy nước Nguyên Xá ($15.000 m^3$ /ngày đêm).

Giai đoạn đến năm 2040: Khai thác ổn định hệ thống nhà máy nước hiện có. Nâng công suất các nhà máy nước: Nhà máy nước Xuân Hòa ($20.000 m^3$ /ngày đêm); Nhà máy nước Việt Thuận ($20.000 m^3$ /ngày đêm); Nhà máy nước Vũ Tiến ($10.000 m^3$ /ngày đêm); Nhà máy nước Minh Lăng ($10.000 m^3$ /ngày đêm).

2.4. Quy định đối với công trình cấp điện

Phát triển hệ thống công trình cấp điện theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu điện sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn huyện, phù hợp với Quy hoạch

phát triển điện lực tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 16/01/2018.

Đầu tư xây dựng công trình cấp điện gồm: Trạm 110kV Sông Trà công suất 2x63MVA và Trạm 110kV Vũ Thư công suất 2x63MVA. Hệ thống lưới điện 110kV và 22kV đáp ứng yêu cầu cung cấp điện an toàn, ổn định cho nhu cầu sử dụng điện trên toàn huyện.

2.5. Quy định đối với công trình thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang.

Công trình thoát nước thải: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, công trình đầu mối thoát nước phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng, quy hoạch thoát nước được phê duyệt, theo hướng đồng bộ hiện đại gồm: Trạm xử lý nước thải tại đô thị, khu công nghiệp, khu chức năng đặc thù, hệ thống trạm bơm, hệ thống kênh mương thủy lợi.

Công trình xử lý rác thải: Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Hòa - Việt Hùng; vận hành hiệu quả các lò đốt rác tại các địa phương, các khu xử lý rác thải tại khu công nghiệp và cơ sở y tế.

Nghĩa trang: Đầu tư xây dựng nghĩa trang tại khu vực đô thị và nông thôn tuân thủ Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang. Tại khu vực nông thôn khuyến khích xây dựng nghĩa trang nhân dân kiểu mẫu theo Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 13/8/2019 của Tỉnh ủy.

2.6. Quy định đối với công trình thông tin.

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, phù hợp Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3906/QĐ-UBND ngày 23/12/2016.

Công trình đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông; cáp quang đến 100% xã, cụm xã; Phủ sóng 4G đến 100% khu dân cư. Hoàn thiện xây dựng hạ tầng mạng NGN. Ngầm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông

1.1. Quy định quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: Tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị phải đảm bảo từ 16% đến 26%. Cụ thể tỷ lệ đối với các đô thị loại III từ 18% đến 20%; đô thị loại IV, loại V từ 16% đến 18%.

1.2. Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng hóa các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng thân thiện môi trường.

1.3. Đối với đường bộ: Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD - Công trình giao thông.

1.5. Đối với đường thủy: Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng quy định trong Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

2.1. Lựa chọn nguồn nước mặt sông Hồng và sông Trà Lý cung cấp nước thô chủ yếu cho các nhà máy nước đến năm 2040, nguồn nước mặt khai thác phải đảm bảo theo “Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 233:1999 Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt - nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt”. Chất lượng nước sinh hoạt phải bảo đảm yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

2.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-1:2016/BXD - Công trình cấp nước.

2.3. Quy định về vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: Phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m và đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo QCVN 01:2008.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

3.1. Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy kết hợp với bơm động lực cho khu vực trong đê. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra các sông Hồng, sông Trà Lý, sông Kiến Giang; Trong các khu cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

3.2. Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực xây dựng mới. Những khu vực đã có hệ thống thoát nước chung, không có khả năng cải tạo thành thoát nước riêng sẽ xây dựng giếng tách, công bao tại cuối các tuyến cống chính trước các miệng xả, đưa về trạm xử lý tập trung trước khi xả ra môi trường.

3.3. Đối với hệ thống thoát nước cải tạo tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có. Quản lý vị trí đầu nổi của dự án vào tuyến cống chính của đô thị. Nếu tuyến cống chính chưa xây dựng thì đơn vị cấp phép cần chỉ ra vị trí xả hoặc đầu nổi tạm thời và chủ dự án phải nộp đủ số tiền cho đơn vị quản lý thoát nước đô thị để khi có tuyến cống chính đơn vị này sẽ xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

3.4. Mở rộng phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước tiến tới đạt 100% đảm bảo thông thoáng các trục tiêu chính đi qua đô thị.

3.5. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng các cụm công trình đầu mối: Hồ điều hòa, trục kênh dẫn, cống qua đê, trạm bơm. Công suất các trạm bơm có thể phù hợp với từng giai đoạn, song cần phải xây dựng trục kênh dẫn và hồ điều hòa theo quy hoạch vừa để giữ đất vừa để chứa nước.

3.6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD - Công trình thoát nước.

3.7. Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: Thực hiện theo Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/04/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật Đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

4.1. Tuân thủ theo Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

4.2. Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai, đặc biệt là quỹ đất xây dựng công trình điện; Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải được từng bước hạ ngầm.

4.3. Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và an toàn điện.

4.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD - Công trình cấp điện.

4.5. Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định tại Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công thương.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại QCVN 07-8:2016/BXD - Công trình viễn thông và QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải

6.1. Quản lý chất thải rắn tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn và phế liệu.

6.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD - Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang

7.1. Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ Nghị định số 35/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang; Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 13/8/2019 của Tỉnh ủy.

7.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-10:2016/BXD - Công trình nghĩa trang.

Điều 8. Quy định về bảo vệ môi trường.

1. Quy định về bảo vệ môi trường tuân thủ: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về việc đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

2. Các dự án nằm trong danh mục thuộc Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về “Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường” được triển khai trên địa bàn cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải được cấp có thẩm quyền thẩm định.

3. Khu vực đô thị: Bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; Cải tạo cảnh quan khu vực ven sông, giảm nhẹ tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tái định cư, kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị và công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

4. Khu vực nông thôn: Hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do tái định cư, thay đổi sử dụng đất, tạo việc làm. Trong quá trình đề xuất các định hướng quy hoạch, đồ án đã thống nhất với các giải pháp bảo vệ môi trường nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bức xúc hiện nay bằng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, khu danh lam thắng cảnh.

Đối với hành lang sông Hồng, sông Trà Lý là luồng đường thủy nội địa cấp từ I đến cấp IV. Quản lý thực hiện theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

2. Quy định về bảo tồn khu di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị trong vùng.

2.1. Quy định chung: Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích theo Luật Di sản Văn hoá số năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hoá số năm 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hoá; Nghị định số 710/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh;

2.2. Di tích xếp hạng cấp Quốc gia gồm: Chùa Keo, khu lưu niệm Bác Hồ, đền thờ vua Lý Nam Đế, chùa Từ Vân, miếu Hai thôn, từ đường Nguyễn Kim Nho, chùa Hội - đền Thượng, đình - đền - chùa Bông Điền, đền - lăng mộ Quế Hoa, đình - chùa Bách Tính, đình Dững Thúc, đình Thuận An, đình Phương Cáp, từ đường Hoàng Công Chất, từ đường Bùi Sỹ Tiêm, đình Mỹ Bông, đình Mỹ Lộc, chùa Đồng Đại, đình La Uyên.

2.3. Di tích xếp hạng cấp tỉnh gồm: Chùa Đại An, Từ thôn Đồng Đức, đình An Thái, đình Đông, đình Đoài, đình Trung Hộ, đền Thanh Giám, chùa Hội Am, miếu Nội Thái, đình Nô Ngoại Thái, đình - chùa Tân Chi Phong, đình - đền Đại Đồng, từ đường họ Đỗ, miếu Tử Đường, chùa Hộ Quốc, từ đường họ Nguyễn, đình Trung Nhạn, từ đường Đỗ Trung Đê; đình - chùa Ngô Xá, từ đường Phạm Tư Trực, miếu Phú Chử, từ đường Nguyễn Doãn Cử; đình - phủ Mỹ Cờ; đình - đền Thượng Điền, đình Phú Lễ, đình Ngoại Đà Khu, đình Nội Đà Khu, đình Đông Phú Chử; từ đường - Lăng mộ Doãn Uẩn; từ đường - Lăng mộ Doãn Khuê; đền Sáo, miếu Vua Đình, đình Hội, miếu Lộc Điền, nhà thờ Tiến sĩ Nguyễn Thư Phúc, từ đường Nguyễn Xuân Huyền, đình Vô Thái, chùa Phúc Tâm.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công quản lý thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quản lý việc thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Vũ Thư phải thực hiện theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có đề xuất thay đổi thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định. Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi nội dung Quy định này phải được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật và đồ án quy hoạch xây dựng vùng đã được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt để tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp có trách nhiệm công khai, công bố, lưu giữ hồ sơ quy hoạch, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định.

Điều 11. Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

2. Thanh tra xây dựng, phối hợp các cơ quan có liên quan theo phân cấp quản lý có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền của mình.

3. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

Điều 12. Quy định này được ấn hành và lưu giữ cùng với đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện:

- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh;

- Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư;

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn huyện Vũ Thư. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

